

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu:

1. Tên dự án: Đo vẽ lại bản đồ địa chính khu vực đất nông nghiệp, rà soát pháp lý, chỉnh lý bản đồ địa chính đất khu dân cư, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chỉnh lý, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính xã Phú Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

2. Tên gói thầu: Gói thầu số 2: Tư vấn khảo sát, đo vẽ lại bản đồ địa chính khu vực đất nông nghiệp, rà soát pháp lý, chỉnh lý bản đồ địa chính đất khu dân cư, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chỉnh lý, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính xã Phú Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Phú Long.

4. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn xã Phú Long.

5. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh và ngân sách xã.

6. Mục đích: Nhằm lựa chọn được đơn vị có đầy đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện: Đo vẽ lại bản đồ địa chính khu vực đất nông nghiệp, rà soát pháp lý, chỉnh lý bản đồ địa chính đất khu dân cư, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chỉnh lý, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính xã Phú Long đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả kinh tế.

II. Phạm vi công việc:

1. Phạm vi công việc: Đo vẽ lại bản đồ địa chính khu vực đất nông nghiệp, rà soát pháp lý, chỉnh lý bản đồ địa chính đất khu dân cư, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chỉnh lý, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính xã Phú Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (Nay là xã Phú Long, tỉnh Ninh Bình) tuân thủ các quy định hiện hành.

2. Nội dung công việc cụ thể của gói thầu

- Đo vẽ lại bản đồ địa chính khu vực đất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa khoảng 215,26 ha.

- Rà soát pháp lý các thửa đất trong khu dân cư chưa được cấp Giấy chứng nhận khoảng 1.085 thửa.

- Hướng dẫn kê khai đăng ký đất đai, lập hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khoảng 3.669 hồ sơ.

- Chỉnh lý, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính khoảng 6.863 thửa đất.

3. Sản phẩm giao nộp

Sản phẩm của gói thầu và các tài liệu có liên quan sau khi được kiểm tra nghiệm thu phải được xác nhận đầy đủ, đóng gói, giao nộp theo quy định tại Thông tư 26/2024/TT-BTNMT, các sản phẩm dự kiến bao gồm:

STT	Danh mục tài liệu	Đơn vị tính	Số lượng		
			TC QLDD	Tỉnh (VPĐK)	Xã
1	Biên bản kiểm nghiệm máy đo đạc	Bộ		01	
2	Sổ đo lưới, sổ nhật ký trạm đo (nếu có)	Bộ		01	
3	Thành quả tính toán bình sai lưới không chế đo vẽ (nếu có)	Tập		01	01
4	Sơ đồ lưới đo vẽ sau thi công (nếu có)	Bộ		01	
5	Bản mô tả ranh giới, mốc giới (nếu có)	Bộ		01	
6	Danh sách các thửa đất không lập bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất; Danh sách các thửa đất đang có tranh chấp về ranh giới; Danh sách các trường hợp người sử dụng đất, người sử dụng đất liền kề vắng mặt trong quá trình đo đạc.	Bộ		01	01
7	Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất/Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất	Bộ		01	01
8	Biên bản xác nhận việc công khai Bản đồ địa chính	Bộ		01	01
9	Bản đồ địa chính dạng số	Bộ	01	01	01
10	Bản đồ địa chính dạng giấy	Bộ		02	01
11	Sổ Mục kê đất đai dạng giấy và dạng số	Bộ		01	01
12	Bảng tổng hợp số thửa, diện tích, số chủ sử dụng, quản lý đất trong đơn vị hành chính theo hiện trạng đo đạc lập bản đồ địa chính	Bộ		01	01
13	Bảng thống kê diện tích đất đai theo hiện trạng đo đạc thành lập bản đồ địa chính (Biểu 01/TKKK, 02/TKKK, 03/TKKK)	Bộ		01	01
14	Biểu so sánh kết quả đo đạc với HSDC	Bộ		01	01
15	Sổ Địa chính dạng số	Bộ		01	01
16	Hồ sơ đăng ký kê khai, cấp Giấy chứng nhận	Bộ			01
17	Sổ cấp Giấy chứng nhận	Bộ		01	01
18	Danh sách các thửa đất thay đổi ranh giới so với HSDC cũ	Bộ		01	01
19	Danh sách các thửa đất có mục đích sử dụng theo hiện trạng khác với GCN hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất	Bộ		01	01
20	Cơ sở dữ liệu địa chính	Bộ		01	
21	Hồ sơ giám sát, kiểm tra, nghiệm thu	Bộ	01	01	
22	Biên bản bàn giao sản phẩm đo đạc lập Bản đồ địa chính	Bộ		01	01

STT	Danh mục tài liệu	Đơn vị tính	Số lượng		
			TC QLDD	Tỉnh (VPĐK)	Xã
23	File số liệu các loại tài liệu, số liệu sản phẩm đo đạc	File		01	01

4. Thời gian dự kiến chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Tối đa 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Thời gian thực hiện: Không quá 09 tháng.

2. Tiến độ báo cáo: Nhà thầu phải báo cáo chủ đầu tư về kết quả thực hiện theo từng bước công việc cụ thể; phải cung cấp tài liệu sản phẩm và cử nhân sự để phục vụ kiểm tra, nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Nhà thầu phải có kinh nghiệm đảm bảo mức yêu cầu tối thiểu theo Mục 2 Chương III.

Nhân sự dự kiến thực hiện gói thầu phải đảm bảo mức yêu cầu tối thiểu theo Mục 2 Chương III.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Cử cán bộ chuyên trách phối hợp với nhà thầu trong công tác liên hệ địa phương, tổ chức hội thảo, phục vụ thẩm định và xét duyệt sản phẩm.
- Thanh quyết toán với nhà thầu theo nguồn vốn được cấp.